

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 112/2024/HS-ST

Ngày: 21 - 10 - 2024.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Dương Thị Bé Thi.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lâm Quang Trực – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Phương Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử (Theo thủ tục rút gọn) số: 115/2024/QĐXXST-HS ngày 15-10-2024 đối với:

Bị cáo: Trương Ngọc T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1994 tại huyện V, thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn L và bà Nguyễn Thị Bích V; bị cáo chung sống như vợ chồng với Huỳnh Thị M và có 02 con (lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2021); tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20-9-2024 đến ngày 23-9-2024 tạm giam đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1975; nơi cư trú: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Trần Quang V1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

- Ông Dương Quốc T3, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Ông Dương Minh T4, sinh năm 1998; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 19-9-2024, Trương Ngọc T điều khiển xe mô tô biển số 65P6-9082 mục đích tìm bình ắc quy của xe ô tô tải để trộm, đến 03 giờ ngày 20-9-2024 tại cây xăng L1 thuộc ấp H, xã Đ, huyện T thấy xe ô tô tải biển số 67H-003.12 của anh Dương Văn T1 để trong sân nhưng không có người trông coi. Lợi dụng điều kiện này, T dùng kiềm cắt lưới B40 đi vào sân, dùng cò lê số 13 tháo ốc lấy trộm 02 bình ắc quy hiệu Prolite loại 12V, 75AH của xe ô tô tải rồi đem ra để lên yên xe mô tô của T. Sau đó, T tiếp tục đi vào trong cây xăng thì bị phát hiện và bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô biển số 65P6-9082, màu đỏ, số máy 008353, số khung 008353;
- 02 bình ắc quy, nhãn hiệu Prolite loại 12V, 75AH;
- 01 cây kiềm nhãn hiệu TOLSEN, màu vàng đen;
- 01 cây vít, màu trắng đỏ, dài 18 cm;
- 01 lưới cửa sắt dài 21 cm;
- 09 cò lê các loại;
- 01 sợi dây băng dài 125 cm.
- 01 bộ dụng cụ lã cọc bình ắc quy số 02.

Kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐ ngày 21-9-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, xác định: 02 bình ắc quy màu đen, dài 25 cm, rộng 16 cm, cao 20 cm; nhãn hiệu Prolite MF90D26L 12V75AH (20HR)130/CCA630A, giá trị tổng cộng 3.375.000 đồng.

Ngày 08-10-2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện T đã trao trả 02 bình ắc quy, nhãn hiệu Prolite loại 12V, 75AH cho anh Dương Văn T1.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 99/QĐ-VKSTS ngày 11-10-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn truy tố Trương Ngọc T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa:

Bị cáo đều khai nhận: Bị cáo đã thực hiện hành vi như nội dung vụ án đã nêu.

Người làm chứng ông Nguyễn Trần Quang V1 khai nhận phù hợp với nội dung vụ án nêu trên.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2; người làm chứng ông Dương Quốc T3, ông Dương Minh T4 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Về vật chứng của vụ án:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô biển số 65P6-9082, màu đỏ, số máy 008353, số khung 008353.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy:

- 01 cây kiếm nhãn hiệu TOLSEN, màu vàng đen;
- 01 cây vít, màu trắng đỏ, dài 18 cm;
- 01 lưỡi cưa sắt dài 21 cm;
- 09 cò lê các loại;
- 01 sợi dây băng dài 125 cm.
- 01 bộ dụng cụ lã cọc bình ắc quy số 02.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên không đặt ra xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo thông nhất quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, bị cáo không tranh luận bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2; người làm chứng ông Dương Quốc T3, ông Dương Minh T4 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Quyết định truy tố. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng về thời gian, địa điểm, động cơ, mục đích, hậu quả của hành vi phạm tội, kết luận định giá tài sản cùng các tang vật đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 03 giờ ngày 20-9-2024, tại cây xăng L1 thuộc ấp H, xã Đ, huyện T; bị cáo Trương Ngọc T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 bình ắc quy hiệu Prolite loại 12V, 75AH trị giá 3.375.000 đồng của anh Dương Văn T1. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo có đủ năng lực nhận thức được việc lấy trộm tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng do thiếu ý thức chấp hành

pháp luật, lười lao động nhưng muốn phục vụ cho lợi ích cá nhân mà bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4.3] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Xét thấy: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có tính chất ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lẽ ra phải lao động tích cực, rèn luyện tu dưỡng để trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội nhưng ngược lại, vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên bị cáo đã chuẩn bị nhiều công cụ để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý. Do đó, việc áp dụng hình phạt tù **ng nghiêm khắc** là cần thiết nhằm giáo dục, răn đe riêng và đấu tranh, phòng ngừa chung. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn đề nghị buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội một thời gian là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 “ *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy, bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Ngày 08-10-2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện T đã trao trả 02 bình ắc quy, nhãn hiệu hiệu Prolite loại 12V, 75AH cho anh Dương Văn T1 là có căn cứ; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- 01 xe mô tô biển số 65P6-9082, màu đỏ, số máy 008353, số khung 008353, bị cáo điều khiển xe trên làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Cần tịch thu tiêu hủy những vật chứng là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội, nhưng không có giá trị sử dụng:

- + 01 cây kiềm nhãn hiệu TOLSEN, màu vàng đen;
- + 01 cây vít, màu trắng đỏ, dài 18 cm;
- + 01 lưỡi cưa sắt dài 21 cm;
- + 09 cờ lê các loại;
- + 01 sợi dây băng dài 125 cm.
- + 01 bộ dụng cụ lã cọc bình ắc quy số 02.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phân tích về tính chất mức độ phạm tội, đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị tội danh, điều luật áp dụng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trương Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trương Ngọc T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20-9-2024.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô biển số 65P6 - 9082, nhãn hiệu: FUFUL, màu sơn: đỏ, số máy 008353, số khung 008353.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) cây kiềm răng, nhãn hiệu TOLSEN, màu vàng đen;
- 01 (một) cây vít, màu trắng đỏ dài 18cm;
- 01 (một) lưỡi cưa sắt dài 21cm;
- 01 (một) cờ lê cỡ 08mm;
- 01 (một) cờ lê cỡ 10mm;
- 01 (một) cờ lê cỡ 12mm;

- 01 (một) cò lê cỡ 13mm;
- 01 (một) cò lê hai đầu cỡ 12mm và 14mm;
- 02 (hai) cò lê cỡ 17mm;
- 02 (hai) cò lê cỡ 19mm;
- 01 (một) dụng cụ lã lọc bình ắc quy số 02;
- 01 (một) sợi dây băng, dài 125cm.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11-10-2024)

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Cơ quan điều tra CA huyện Thoại Sơn;
- Cơ quan THAHS huyện Thoại Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Bé Thi